

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng
Ngành: **Kiến trúc** Chuyên ngành: **Kiến trúc**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: **TRẦN MINH TÙNG**
 - Ngày tháng năm sinh: **04/12/1977** Nam Nữ Quốc tịch: **Việt Nam**
Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **không**
 - Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
 - Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):
xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **154 Ông Ích Khiêm, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng**
 - Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):
P806, Chung cư 110 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Điện thoại nhà riêng: **không có** Điện thoại di động: **0933.264.426**
E-mail: **tungtm@huce.edu.vn**
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
Từ 01/2000 đến 12/2002: **Kỹ thuật viên tại Viện Kỹ thuật Xây dựng Hà Nội (Sở Xây dựng Hà Nội)**
Từ 01/2003 đến 03/2008: **Nghiên cứu viên tại Viện Nghiên cứu Kiến trúc Quốc gia (Bộ Xây dựng)**
Từ 04/2008 đến nay: **Giảng viên tại Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (Bộ Giáo dục và Đào tạo)**
Chức vụ: Hiện nay: **Trưởng Bộ môn**; Chức vụ cao nhất đã qua: **Trưởng Bộ môn**
Cơ quan công tác hiện nay: **Bộ môn Kiến trúc dân dụng, Khoa Kiến trúc & Quy hoạch, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội**

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Địa chỉ cơ quan: **55 Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội**

Điện thoại cơ quan: **024.3869.7047**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: **Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội**

8. Đã nghỉ hưu: **chưa**

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 08 tháng 09 năm 2000; số văn bằng: C0258362; ngành **Kiến trúc Công trình**; Nơi cấp bằng Đại học: **Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (Việt Nam)**

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 02 tháng 06 năm 2006; số văn bằng: 0020; ngành **Thiết kế đô thị với Di sản và Phát triển bền vững**; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: **Trường Đại học Kiến trúc Toulouse (CH Pháp) và Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (Việt Nam)**

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 07 tháng 09 năm 2015; số văn bằng: TOULII 9293005; ngành **Địa lý và Quy hoạch**; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: **Trường Đại học Toulouse Jean-Jaurès (CH Pháp)**

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: **chưa**

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: **Phó Giáo sư**

Tại Hội đồng Giáo sư cơ sở: **Trường Đại học Xây dựng Hà Nội**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: **Phó Giáo sư**

Tại Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành: **Xây dựng - Kiến trúc**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Hướng nghiên cứu chính:

Những vấn đề trong quá trình phát triển và chuyển đổi kiến trúc môi trường nhà ở và không gian đô thị trong bối cảnh quá độ tại Việt Nam, đặc biệt được thông qua các dự án nhà ở mà tiêu biểu là mô hình khu đô thị mới (KĐTMM): tìm hiểu bản chất, cách thức sản xuất các dự án khi chuyển đổi sang kinh tế thị trường, đồng thời phát hiện ra được những bất cập và mâu thuẫn nội tại của mô hình sản xuất nhà ở này, cũng như dự báo các mô hình và xu hướng phát triển khu dân cư, phát triển không gian đô thị nhằm nhìn nhận chính xác bản chất của mô hình cũng như khả năng thích ứng vào bối cảnh các thành phố Việt Nam. Hướng nghiên cứu này được cụ thể hóa thông qua hai nhánh tiếp cận quan trọng:

- **Phát triển và chuyển đổi kiến trúc nhà ở và môi trường cư trú đô thị**: những chuyển biến về thói quen, quan điểm, văn hóa sống của người dân bởi các thay đổi bối cảnh kinh tế xã hội đã làm cho kiến trúc nhà ở đô thị nói chung và KĐTMM nói riêng trở thành những ánh xạ rõ nhất về đời sống và cách thức (tái) phát triển và (tái) sản xuất không gian đô thị được cập nhật theo những nhu cầu cuộc sống của người dân đô thị;

- **Phát triển và chuyển đổi kiến trúc công trình và không gian công cộng (KGCC) trong các khu dân cư và đô thị**: các khu dân cư (trong đó có KĐTMM) và các đô thị càng hấp dẫn và sống động khi có các công trình và KGCC thu hút nhiều người dân đến trải nghiệm, nhưng do những cơ chế sản xuất không gian khác nhau, các

công trình và KGCC này đang bị biến thể theo mối quan hệ giữa các chủ thể có “quyền” với đô thị.

(2) Hướng nghiên cứu bổ trợ khác:

- **Tái sử dụng và tái phát triển các di sản kiến trúc đô thị trước áp lực chuyển đổi, cải tạo và tái thiết đô thị** kéo theo hiện tượng nhà ở hóa và “trường giả hóa” không gian kiến trúc đô thị thay vì cải thiện đô thị bằng các không gian công cộng, tạo ra nhiều cách thức và xu hướng sản xuất không gian mới;

- **Xanh hóa các khu dân cư, các khu vực đô thị** gắn với quá trình tăng cường màu xanh đô thị, tích hợp nông nghiệp đô thị vào các không gian ở hay không gian công cộng, hướng đến mục tiêu sinh thái hóa, và xa hơn là phát triển bền vững các dự án, khu vực nhà ở mới dựa trên quá trình hợp lý hóa các yếu tố xây dựng và yếu tố tự nhiên hay nhu cầu cân bằng cuộc sống của người dân đô thị...

- **Thông minh hóa kiến trúc và nội thất nhà ở** thông qua sự linh hoạt hóa, tăng cường tương tác giữa không gian kiến trúc và trang thiết bị nội thất với người sử dụng, tác động trực tiếp đến chất lượng cuộc sống con người, tạo ra bản sắc mới cho kiến trúc nhà ở trước những chuyển đổi số trong thời đại Công nghiệp 4.0.14.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Đã hướng dẫn **01** NCS bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ;
- Đã hướng dẫn **09** học viên cao học bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ;
- Đã hoàn thành **01** đề tài NCKH cấp trường và **02** đề tài NCKH cấp trường trọng điểm;
- Đã công bố **46** bài báo khoa học (**08** bài trước khi có bằng TS, **38** bài sau khi có bằng TS), trong đó có **02** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín; **02** bài là chương sách trong sách của nhà xuất bản quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp **0** bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: **09** quyển sách, trong đó cả **09** thuộc nhà xuất bản trong nước có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:
 - 04** tác phẩm đạt Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia
 - 01** chùm tác phẩm đạt Giải thưởng Quy hoạch Quốc Gia
 - 01** tác phẩm được tặng thưởng mức A của Hội đồng Lý luận Phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- **Bằng khen theo Quyết định số 5811/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo** vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục từ năm học 2015-2016 đến năm học 2016-2017
- **Bằng khen theo Quyết định số 3594/QĐ-BGDĐT ngày 08/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo** vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục từ năm học 2020-2021 đến năm học 2021-2022
- **Bằng khen theo Quyết định số 252/QĐ/TĐKT-KTVN ngày 03/06/2020 của Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam** vì đã có đóng góp tích cực hoạt động kiến trúc và xây dựng Hội (giai đoạn 2015-2020)

16. Kỳ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

(1) Đảm bảo các tiêu chuẩn của nhà giáo:

- Có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt;
- Đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm;
- Có kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;
- Bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.

(2) Hoàn thành các nhiệm vụ của nhà giáo:

- Giảng dạy, giáo dục theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục;
- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, điều lệ nhà trường, quy tắc ứng xử nhà giáo;
- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng, đối xử công bằng với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học;
- Học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.

(3) Hoàn thành các nhiệm vụ khác:

- Tham gia xây dựng và đổi mới các chương trình đào tạo của nhà trường;
- Tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch giáo dục, tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **10 năm 09 tháng (129 tháng)**

Từ 04/2008 đến 03/2009 (12 tháng): *Giảng viên tập sự tại Trường Đại học Xây dựng Hà Nội*

Từ 04/2009 đến 09/2011 (30 tháng): **Giảng viên tại Trường Đại học Xây dựng Hà Nội**

Từ 10/2011 đến 01/2015 (40 tháng): *NCS tại Trường Đại học Toulouse 2 Jean-Jaurès (CH Pháp)*

Từ 02/2015 đến 05/2018 (40 tháng): **Giảng viên tại Trường Đại học Xây dựng Hà Nội**

Từ 06/2018 đến 07/2018 (2 tháng): *Học tập trao đổi tại Trường Đại học Laval (Quebec, Canada)*

Từ 08/2018 đến 06/2023 (59 tháng): **Giảng viên tại Trường Đại học Xây dựng Hà Nội**

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

T T	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/C K2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017	-	-	3	6	742,04	40	782,04/875,94/229,50
2	2017-2018	-	-	-	14	592,85	-	592,85/751,25/229,50
3	2018-2019	-	-	1	20	706,68	25	731,68/918,88/229,50
4	2019-2020	-	-	-	7	776,65	25	801,65/994,55/229,50
03 năm học cuối								
5	2020-2021	-	-	1	6	678,63	205,00	883,63/1058,65/216,00
6	2021-2022	-	1	2	9	789,77	138,75	928,52/1105,26/216,00
7	2022-2023	-	-	3	5	682,48	160,00	842,48/1008,26/216,00

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Pháp**

a. Được đào tạo ở nước ngoài

- Học ĐH ; Tại nước: **không** Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại **Cộng hòa Pháp** năm **2014**

b. Được đào tạo ngoại ngữ trong nước

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: năm cấp:

c. Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Tiếng Pháp**

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước) **Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (Việt Nam)**

d. Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): **Đảm bảo giao tiếp nói và viết**

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH /CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đặng Quang Nhung		x	x		2015-2016	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	QĐ số 407/QĐ-ĐHKT-VĐTHTQT, 11/10/2017
2	Ngô Thị Tú Anh		x	x		2015-2016		
3	Vũ Đình Tiến		x	x		2016-2017	Trường Đại học Xây dựng	QĐ số 805/QĐ-SDH, 28/07/2017
4	Ngô Minh Tuấn		x	x		2016-2017	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	QĐ số 391/QĐ-ĐHKT-VĐTHTQT, 20/09/2018
5	Trần Chí Linh		x	x		2016-2017		
6	Trần Thu Trang		x	x		2018-2019	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	QĐ số 46/QĐ-ĐHKT-VĐTHTQT, 06/04/2021
7	Lê Huy Tuấn		x	x		2020-2020		
8	Lê Đức Huy		x	x		2021-2022	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	QĐ số 52/QĐ-ĐHXDHN, 19/01/2022
9	Phạm Anh Dũng		x	x		2021-2022		
10	Nguyễn Thành Hưng	x			x	2017-2022		QĐ số 528/QĐ-ĐHXDHN, 25/05/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang ...)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
II.1	Chân dung một Hà Nội - Quá độ trong chuyển đổi các dạng thức quy hoạch đô thị Hà Nội	TK	Nhà xuất bản Xây dựng, 2016	1	x		Giấy xác nhận số 12/XN-ĐHXDHN, 16/06/2022
II.2	Chân dung một Hà Nội - Khu đô thị mới. Hai thập kỷ nhìn lại một mô hình	TK	Nhà xuất bản Xây dựng, 2016	1	x	Toàn bộ	Giấy xác nhận số 13/XN-ĐHXDHN, 16/06/2022
II.3	Kiến trúc nhà ở - Hiểu biết và thiết kế qua	TK	Nhà xuất bản Xây	1	x	Toàn	Giấy xác nhận số 14/XN-

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phân biên soạn (từ trang ... đến trang ...)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	minh họa		dựng, 2017			bộ	ĐHXDHN, 16/06/2022
II.4	Khu đô thị mới: Từ nguyên gốc lý thuyết đến biến thể thực tế	TK	Nhà xuất bản Xây dựng, 2018	1	x	Toàn bộ	Giấy xác nhận số 06/XN-ĐHXDHN, 22/06/2023
II.5	Bridging the gap: Towards a better integration of masterplanned new urban areas and urbanised villages / Khóa lấp khoảng cách: Hướng tới sự hòa nhập tốt hơn giữa những khu đô thị mới theo quy hoạch tổng thể và các làng xã bị đô thị hóa	TK	Nhà xuất bản Thế giới, 2019	11		123-172	Giấy xác nhận số 02/XN-ĐHXDHN, 14/06/2022
II.6	Thiết kế kiến trúc: Từ lý thuyết đến thực tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng 4.0	TK	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2019	6			Giấy xác nhận số 07/XN-ĐHXDHN, 22/06/2023
II.7	Kiến trúc	GT	Nhà xuất bản Xây dựng, 2019	5	x	Toàn bộ	Giấy xác nhận số 08/XN-ĐHXDHN, 22/06/2023
II.8	Xanh hóa các khu đô thị mới	TK	Nhà xuất bản Xây dựng, 2022	1	x	Toàn bộ	Giấy xác nhận số 15/XN-ĐHXDHN, 16/06/2022
II.9	Kiến trúc & Con người	TK	Nhà xuất bản Xây dựng, 2022	1	x	Toàn bộ	Giấy xác nhận số 09/XN-ĐHXDHN, 22/06/2023
II.10	Urban Transformational Landscapes in the City-Hinterlands of Asia, 21st Century Human Settlement Series of Springer - (Chapter 16) A New Inner-Hanoi via Residentializing Old Industrial Facilities: From Urban Renewal to Reurbanization, and Urban Regeneration	TK	Springer Nature, 2023	3	x	273-290	Giấy xác nhận số 10/XN-ĐHXDHN, 22/06/2023

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phân biên soạn (từ trang ... đến trang ...)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II.11	Urban Transformational Landscapes in the City-Hinterlands of Asia, 21st Century Human Settlement Series of Springer - (Chapter 26) Evolutionary Livability of New Urban Areas in Hanoi: from Plan(ning) to Market(ing)	TK	Springer Nature, 2023	3	x	437-454	Giấy xác nhận số 11/XN-ĐHXDHN, 22/06/2023

- Trong đó, số lượng sách chuyên khảo xuất bản do NXB có uy tín xuất bản mà ứng viên là chủ biên sau khi được cấp bằng TS: **0**; chương sách do NXB có uy tín trên thế giới xuất bản sau TS: **02** [II.10, II.11]

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phân ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang ... đến trang ... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
I.1	ĐT “Đề xuất cơ chế quản lý kiến trúc trên các trục phố khi giải tỏa mở rộng đường và nút giao thông”		Viện Nghiên cứu Kiến trúc Quốc gia	2007-2008	2008
I.2	ĐT “Nghiên cứu thiết kế nhà cao tầng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả”		Viện Nghiên cứu Kiến trúc Quốc gia	2009-2010	2010
II	Sau khi được công nhận TS				
II.1	ĐT “Đổi mới đào tạo đồ án kiến trúc tại Bộ môn Kiến trúc dân dụng (Áp dụng cho đồ án biệt thự và đồ án công trình thể thao)		05-2016/KHXD, Trường ĐHXDHN (cấp Trường)	2016-2016	2016
II.2	ĐT “Hiện đại hóa giáo trình và phương pháp giảng dạy môn Cấu tạo kiến trúc và Kiến trúc 2 theo hướng cập nhật định kỳ có sự tham	CN	06-2016/KHXD, Trường ĐHXDHN (cấp Trường)	2016-2016	20/12/2016 Tốt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	gia hỗ trợ của các đối tác bên ngoài nhà trường”				
II.3	ĐT “Thích ứng hóa mô hình “Khu đô thị nén” trong quá trình tái thiết không gian đô thị Hà Nội”	CN	126-2017/KHXD-TĐ, Trường ĐHXDHN (cấp Trường trọng điểm)	2017-2018	28/05/2018 Tốt
II.4	ĐT “Các hình thức vườn đô thị mới”		Trường ĐHXDHN (cấp Trường trọng điểm)	2019-2019	2019
II.5	ĐT “Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá, định lượng tính hấp dẫn và đáng sống của các khu đô thị mới (Địa bàn nghiên cứu TP. Hà Nội)”	CN	08-2019/KHXD-TĐ, Trường ĐHXDHN (cấp Trường)	2019-2020	22/09/2020 Đạt
II.6	ĐT “Tính linh hoạt và thích ứng trong thiết kế nhà ở: Nghiên cứu ứng dụng cho căn hộ chung cư”		02-2020/KHXD, Trường ĐHXDHN (cấp Trường)	2020-2020	2020
II.7	ĐT “Sự chuyển hóa các yếu tố kiến trúc và nội thất mang tính biểu tượng trong phòng khách căn hộ chung cư Hà Nội”		04-2020/KHXD, Trường ĐHXDHN (cấp Trường)	2020-2020	2022

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T	Tên bài báo / báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học / ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
I.1	Mặt trời chiếu sáng trong nội thất	1	x	Tạp chí Kiến trúc Việt Nam ISSN 0868-3768			13(07/2007-95), 67-69	07/2007
I.2	Lyon Confluence - một dự án đô thị hướng đến sự cư trú bền vững	1	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(148-8-2007), 40-47	08/2007
I.3	Trang thiết bị đô thị với việc tạo dựng bản sắc đô thị	1	x	Tạp chí Kiến trúc Việt Nam ISSN 0868-3768			13(08/2007-96), 46-49	08/2007
I.4	Văn hóa thỏa	1	x	Tạp chí Kiến			(152-12-	12/

T T	Tên bài báo / báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học / ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	thuận trong sự biến đổi diện mạo đô thị khu phố cổ Hà Nội			trúc ISSN 0866-8617			2007), 64-67	2007
I.5	Từ “văn hóa mặt tiền” đến quản lý kiến trúc đô thị	1	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(155-03-2008), 76-81	03/2008
I.6	Quy hoạch đô thị có sự tham gia của cộng đồng	1	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(162-10-2008), 71-74	10/2008
I.7	Văn hóa phát triển các khu đô thị mới: lợi nhuận kinh tế và lợi ích xã hội	1	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(165-01-2009), 80-84	01/2009
I.8	Hà Nội: thành phố từ những khu phố và những dự án?	1	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(178-02-2010), 26-31	02/2010
II	Sau khi được công nhận TS							
A	Công bố trong nước (tiếng Việt)							
II. 1	Từ khái niệm khu dân cư sinh thái trên thế giới đến bản chất khu đô thị sinh thái ở Việt Nam - Bài 1: Khái niệm khu dân cư sinh thái trên thế giới (lấy ví dụ tại Pháp)	1	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(253-05-2016), 30-34	05/2016
II. 2	Từ khái niệm khu dân cư sinh thái trên thế giới đến bản chất khu đô thị sinh thái ở Việt Nam - Bài 2: ...Đến bản chất khu đô thị sinh thái ở Việt Nam (lấy ví dụ tại Hà Nội)	1	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(254-06-2016), 66-70	06/2016
II. 3	Nông nghiệp đô thị, một công cụ đa chiều thích hợp góp phần tạo nên các thành phố xanh - sinh thái -	1	x	Tuyển tập báo cáo Hội nghị Khoa học và Công nghệ Trường ĐHXDHN lần			Tập II, 104-113	11/2016

T T	Tên bài báo / báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học / ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	bền vững trong bối cảnh phát triển đô thị Việt Nam hiện nay			thứ 17, ISBN 9786048219833				
II. 4	Tăng cường tính kết nối thực tế cho hệ thống môn học đồ án kiến trúc. Kinh nghiệm tại Bộ môn Kiến trúc dân dụng	1	x	Tuyển tập báo cáo Hội nghị Khoa học và Công nghệ Trường ĐHXDHN lần thứ 17, ISBN 9786048219833			Tập II, 114-122	11/ 2016
II. 5	Một phép so sánh cách dạy và học đồ án tại Đại học Kiến trúc Toulouse (Pháp) và Đại học Xây dựng (Việt Nam)	1	x	Đổi mới đào tạo Đồ án Kiến trúc. Kinh nghiệm từ Trường Đại học Xây dựng, ISBN 9786049497995			42-51	11/ 2016
II. 6	Tiếp cận liên văn hóa thông qua hợp tác quốc tế: Một hướng đi mới trong đào tạo kiến trúc	2		Đổi mới đào tạo Đồ án Kiến trúc. Kinh nghiệm từ Trường Đại học Xây dựng, ISBN 9786049497995			194-200	11/ 2016
II. 7	Hiện đại hóa giảng dạy môn học Cấu tạo kiến trúc có sự tham gia hỗ trợ của các đối tác bên ngoài nhà trường	3	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(264-04-2017), 91-93	04/ 2017
II. 8	Lượng hóa yếu tố “đẹp” trong thiết kế thẩm mỹ nhà ở cá nhân	1	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(267-07-2017), 24-29	07/ 2017
II. 9	Sáng tạo trong giảng dạy đồ án kiến trúc: Sinh viên nhận được gì?	1	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(270-10-2017), 83-86	10/ 2017
II. 10	Di sản mới trong kiến trúc đô thị tại Việt Nam trước thời kỳ cách mạng	1	x	Kỷ yếu Hội thảo Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong			49-59	12/ 2017

T T	Tên bài báo / báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học / ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Công nghiệp 4.0			bối cảnh điều kiện Cách mạng 4.0 (Actes de conférence internationale Conservation et valorisation du patrimoine culturel à l'ère industrielle 4.0), ISBN 9786046299738				
II. 11	Từ gia tăng mật độ gắn với tái thiết đô thị đến mô hình (khu) đô thị nén trong tương lai tại Việt Nam	1	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(280-08-2018), 67-71	08/2018
II. 12	Kiến tạo nơi chốn an cư hấp dẫn cho các khu dân cư đô thị	2	x	Tạp chí Quy hoạch Xây dựng ISSN 1859-3054			2018 (94), 72-77	12/2018
II. 13	Kinh nghiệm từ Pháp về chính sách tái định cư trong tái thiết đô thị các khu dân cư cũ	2	x	Tạp chí Quy hoạch Xây dựng ISSN 1859-3054			2018 (97+98), 83-89	04/2019
II. 14	Gia tăng kép mật độ ven đô bởi các khu đô thị mới tại Hà Nội: Trường hợp Văn Quán	1	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng - ĐHXDHN p- ISSN 1859-2996, e-ISSN 2734-9268			13(2V), 106-115	05/2019
II. 15	Xây dựng chương trình đào tạo mới cho ngành Kiến trúc của Trường Đại học Xây dựng theo phương pháp tiếp cận CDIO và chuẩn đào tạo kiến trúc sư CACB (Canada) trong xu thế cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0	3	x	Thiết kế kiến trúc: Từ lý thuyết đến thực tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng 4.0, ISBN 9786046714064			159-173	10/2019
II.	Có hay không một	2	x	Tạp chí Kiến			(294-10-	10/

T T	Tên bài báo / báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học / ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
16	cá tính kiến trúc nhà ở hiện đại Hà Nội? - Bài 1: Kiến trúc nhà ở hiện đại Hà Nội trước Đổi mới: Hoàn cảnh tạo nên bản sắc?			trúc ISSN 0866-8617			2019), 83-87	2019
II. 17	Có hay không một cá tính kiến trúc nhà ở hiện đại Hà Nội? - Bài 2: Kiến trúc nhà ở Hà Nội sau Đổi mới: Loay hoay tìm bản sắc?	2	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(296-12-2019), 115-119	12/2019
II. 18	Tổ chức không gian bán ngoài trời ở trường học - thích ứng các điều kiện thời tiết	2	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(299-03-2020), 34-39	03/2020
II. 19	Hướng đến sự phát triển bền vững không gian bằng ECO-DENSITY - mật độ sinh thái cho đô thị	2	x	Tạp chí Quy hoạch Xây dựng ISSN 1859-3054			2020 (106), 42-45	09/2020
II. 20	Các hình thức vườn đô thị mới: Tiềm năng và một số đề xuất cho các khu đô thị mới	3		Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(306-10-2020), 80-83	10/2020
II. 21	Từ dòng chảy âm nhạc indie: Nghĩ về dòng chảy kiến trúc indie ở Việt Nam	2		Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(307-11-2020), 72-75	11/2020
II. 22	Đô thị và khả năng phục hồi sau các thảm họa và khủng hoảng	1	x	Tạp chí Quy hoạch Xây dựng ISSN 1859-3054			2021 (109+110), 20-23	05/2021
II. 23	Các kiến trúc nhỏ phục vụ cho tổ chức không gian công cộng khu vực quận Hoàn Kiếm	1	x	Tạp chí Kiến trúc ISSN 0866-8617			(313-05-2021), 57-60	05/2021
II. 24	Chuyển đổi trong thực hành kiến	5	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ			16(4V), 1-13	11/2022

T T	Tên bài báo / báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học / ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	trúc nhà ở đô thị tại Hà Nội thời kỳ đổi mới dưới hình thức khu đô thị mới			Xây dựng (KHCNXD) - ĐHXDHN p-ISSN 2615-9058, e-ISSN 2734-9489				
II. 25	Kiểm soát quy hoạch chiều cao kiến trúc trong đô thị	1	x	Tạp chí Quy hoạch Xây dựng ISSN 1859-3054			2022 (120), 22-25	12/2022
II. 26	Thông minh hóa kiến trúc nhà ở trong bối cảnh Việt Nam	2	x	Kỷ yếu Hội thảo “Vai trò kiến trúc trong phát triển bền vững văn hóa - kinh tế - xã hội”, ISBN 9786043970166			252-257	04/2023
II. 27	Tối ưu hóa không gian theo thói quen sử dụng đồ nội thất trong nhà ở đô thị Việt Nam	3		Kỷ yếu Hội thảo “Kiến trúc và quy hoạch bền vững: Tiếp nối giá trị truyền thống, hướng tới tương lai”, ISBN 9786044721507			50-54	06/2023
II. 28	Thông minh hóa đồ nội thất trong nhà ở người Việt, dễ hay khó?	3		Kỷ yếu Hội thảo “Kiến trúc và quy hoạch bền vững: Tiếp nối giá trị truyền thống, hướng tới tương lai”, ISBN 9786044721507			55-60	06/2023
B	Công bố trong nước (tiếng Anh và tiếng Pháp)							
II. 29	A preliminary study on the development of new urban areas in Hanoi over the past ten years and their interactions with surrounding villages - A review from Van Quan new town	5		Journal of Science and Technology in Civil Engineering (STCE) - HUCE p-ISSN 1859-2996, e-ISSN 2734-9268			11(6), 217-223	11/2017

T T	Tên bài báo / báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học / ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
II. 30	Urban renewal applicable to an increase in density: Conceptualization of compact-KDT in Vietnam with Hanoi as a case study	1	x	Journal of Science and Technology in Civil Engineering (STCE) -HUCE p-ISSN 1859-2996, e-ISSN 2734-9268			12(5), 88-98	08/2018
II. 31	Sustainabilization of Hanoi mobility approached from new residential areas: Will it be a city without motorbike?	1	x	Journal of Science and Technology in Civil Engineering (STCE) -HUCE p-ISSN 1859-2996, e-ISSN 2734-9268			13(1), 89-99	01/2019
II. 32	Des villas coloniales patrimoniales au Vietnam: leur restaurantisation pour leur restauration? (Các di sản biệt thự thuộc địa tại Việt Nam: Nhà hàng hóa để bảo tồn?)	1	x	La Francophonie en Asie-Pacifique ISSN 2525-2488 / L'architecture française en Asie-Pacifique, ISBN 9791032001967, ISBN 9786046260370			(2), 26-43	10/2018
C	Công bố quốc tế							
II. 33	The logic of place-making towards sustainable new urban areas in Hanoi: From zero to hero?	3	x	Designing sustainability for all, Proceedings of the 3rd LeNS World Distributed Conference, ISBN 9788895651262			Vol. 4, 1206-1211	04/2019
II. 34	Attractiveness and Livability in New Urban Areas of Hanoi: When Their Public Spaces Are 'Socialized'	5	x	IOP Conference Series: Materials Science and Engineering (MSE) e-ISSN 1757-899X, p-ISSN 1757-	Scopus		869 (022036)	07/2020

T T	Tên bài báo / báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học / ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				8981 https://doi.org/10.1088/1757-899X/869/2/022036				
II. 35	Reconceptualizing The Public Spaces of New Urban Areas in Hanoi: The End or The New of Public-making?	3	x	International Journal of Sustainable Construction Engineering and Technology (IJSCET) ISSN 2180-3242, e-ISSN 2600-7959 https://publisher.uthm.edu.my/ojs/index.php/IJSCET/article/view/8607	Scopus Q4		12(1), 271-282	05/2021
II. 36	Evolution of Commercial Facilities in New Urban Areas of Hanoi: Potential of Sustainable Neighborhood-level Third Place Making	3	x	International Journal of Sustainable Construction Engineering and Technology (IJSCET) ISSN 2180-3242, e-ISSN 2600-7959 https://publisher.uthm.edu.my/ojs/index.php/IJSCET/article/view/8608	Scopus Q4		12(3), 75-87	10/2021
II. 37	A New Inner-Hanoi via Residentializing Old Industrial Facilities: From Urban Renewal to Reurbanization, and Urban Regeneration	3	x	Urban Transformational Landscapes in the City-Hinterlands of Asia, online ISBN 9789811987267 print ISBN 9789811987250 https://doi.org/10.1007/978-981-19-8726-7_16	Scopus		Chapter 16, 273-290	05/2023

T T	Tên bài báo / báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học / ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
II. 38	Evolutionary Livability of New Urban Areas in Hanoi: from Plan(ning) to Market(ing)	3	x	Urban Transformational Landscapes in the City-Hinterlands of Asia, online ISBN 9789811987267 print ISBN 9789811987250 https://doi.org/10.1007/978-981-19-8726-7_26	Scopus		Chapter 26, 437-454	05/2023

- Trong đó, số lượng bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín của ngành mà ứng viên là tác giả chính sau TS: **02** [II.35, II.36]

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

T T	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
	Không có			

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được cấp bằng TS: **0**

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

T T	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	Ấn phẩm: Khu đô thị mới: Từ nguyên gốc lý thuyết đến biến thể thực tế	Hội đồng Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia (Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	QĐ số 07/GTKTQG ngày 28/12/2018 của Hội đồng Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2018	Giải Đồng Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2018	1
2	Ấn phẩm: Không gian công cộng trong bối cảnh chuyển đổi	Hội đồng Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia (Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	QĐ số 12/GTKTQG ngày 14/12/2021 của Hội đồng Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2020-2021	Giải Đồng Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2020-2021	8
3	Ấn phẩm: Bridging the gap: Towards a better integration of masterplanned new urban areas and	Hội đồng Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia (Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao	QĐ số 12/GTKTQG ngày 14/12/2021 của Hội đồng Giải thưởng Kiến trúc	Giải Đồng Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2020-2021	10

T T	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
	urbanised villages / Khóa lớp khoảng cách: Hướng tới sự hòa nhập tốt hơn giữa những khu đô thị mới theo quy hoạch tổng thể và các làng xã bị đô thị hóa	và Du lịch)	Quốc gia 2020-2021		
4	Chùm ấn phẩm: (1) Chân dung một Hà Nội - Quá độ trong chuyên đổi các dạng thức quy hoạch đô thị Hà Nội; (2) Khu đô thị mới: Từ nguyên gốc lý thuyết đến biến thể thực tế; (3) Không gian công cộng trong bối cảnh chuyên đổi	Hội đồng Giải thưởng Quy hoạch đô thị Quốc gia (Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam, dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam)	QĐ số 02/2021/QĐ-VUPA ngày 08/12/2021 của Hội đồng Giải thưởng Quy hoạch đô thị Quốc gia lần thứ II (VUPA 2020)	Giải Vàng Giải thưởng Quy hoạch đô thị Quốc gia VUPA 2020	1
5	Ấn phẩm: Không gian công cộng trong bối cảnh chuyên đổi	Hội đồng Lý luận Phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương	QĐ số 86-QĐ/HĐ, ngày 15/12/2022 của Hội đồng Lý luận Phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương	Trao thưởng mức A cho các tác phẩm lý luận phê bình văn học nghệ thuật xuất bản năm 2021	8
6	Ấn phẩm: Kiến trúc & Con người	Hội đồng Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia (Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	QĐ số 10/GTKTQG 2022, ngày 06/04/2023 của Hội đồng Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2022-2023	Giải Đồng Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2022-2023	1

- Trong đó, số lượng giải thưởng quốc gia là tác giả chính sau TS: **05**

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

T T	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò	Văn bản giao nhiệm vụ	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Soạn thảo điều chỉnh chương trình đào tạo bậc Thạc sĩ ngành Kiến trúc	Tham gia (thành viên Tổ soạn thảo ngành Kiến trúc)	QĐ số 864/QĐ-SĐH ngày 18/07/2019 về việc Thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ Thư ký và các Tổ soạn thảo điều chỉnh chương trình đào tạo bậc	Trường Đại học Xây dựng (Hà Nội)	QĐ số 174/QĐ-ĐHXD ngày 08/02/2021 về việc Ban hành chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kiến trúc	

			Thạc sĩ			
2	Thực hiện Đề án chuyên đổi mô hình đào tạo đại học theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam	Tham gia (thành viên Tiểu ban Kiến trúc và Quy hoạch)	864/QĐ-ĐHXD, ngày 07/07/2020 về việc Thành lập các Tiểu ban thực hiện Đề án chuyên đổi mô hình đào tạo đại học theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam	Trường Đại học Xây dựng (Hà Nội)	1306/QĐ-ĐHXD, ngày 05/11/2020 về việc Ban hành chương trình đào tạo cử nhân - kỹ sư/kiến trúc sư theo Đề án chuyên đổi mô hình đào tạo đại học theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

- 01 chương sách phục vụ đào tạo do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản:
Chapter 16: A New Inner-Hanoi via Residentializing Old Industrial Facilities:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

From Urban Renewal to Reurbanization, and Urban Regeneration, sách Cities and Regions of Asia - Transformation and Sustainable Development, 21st Century Human Settlement Series of Springer (Nhà xuất bản Spring Nature, 2023)

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:


- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2023

Người đăng ký



Trần Minh Tùng